

Số: 12 /2017/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

Số :.....1906.....  
ĐẾN Ngày : 12.4.2017  
Chuyển:.....  
Lưu hồ sơ số:.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Phí và Lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Đối tượng áp dụng**

**a) Đối tượng nộp phí**

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## b) Cơ quan thu phí

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## Điều 2. Mức thu phí

1. Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới  $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới  $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ : mức thu 600.000 đồng/1 đề án.

2. Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ  $0,1 \text{ m}^3$  đến dưới  $0,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ  $500 \text{ m}^3$  đến dưới  $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ : mức thu 1.260.000 đồng/1 đề án.

3. Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ  $0,5 \text{ m}^3$  đến dưới  $1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ  $3.000 \text{ m}^3$  đến dưới  $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ : mức thu 3.080.000 đồng/1 đề án.

4. Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ  $1 \text{ m}^3$  đến dưới  $2 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ  $20.000 \text{ m}^3$  đến dưới  $50.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ : mức thu 5.880.000 đồng/1 đề án.

5. Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh áp dụng mức thu bằng 50% mức thu tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

## Điều 3. Kê khai, thu, nộp và quản lý phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

3. Định kỳ hằng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán phí theo quy định của pháp luật.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2017. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trong Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức thu phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước và công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

### **Nơi nhận:**

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên – Môi trường, Bộ Tài chính ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).L180.



**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**